

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2020/HS-ST
Ngày 24-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai

Ông Vũ Khắc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 406/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Vũ Lệnh C, sinh năm 1986 tại Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 34 Đ35 Đ, quận N, Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 2/8/37 N, phường Đ, quận N, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Lệnh T và bà Trịnh Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 10/8/2020; thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2020. có mặt.

2. Đỗ Đức T, sinh năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 5/213 L, phường Đ, quận N, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Kim T và bà Lê Thị Thanh H; tiền sự: Có 01 tiền sự (Quyết định xử phạt hành chính số 14 ngày 19/6/2020 bị Công an phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng xử phạt vi phạm hành vi sử dụng trái phép chất ma túy); nhân thân: Có 01 tiền án đã xóa (Bản án số 06/2015/HSST ngày 09/01/2015 của Tòa án nhân dân quận 3, TP Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999, đã thi hành xong án phí vào ngày 30/3/2015). Ngày 16/12/2020 TAND quận

Ngô Quyền xét xử Đỗ Đức T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 159/2020/HS-ST); bị tạm giữ ngày 10/8/2020; tạm giam ngày 18/8/2020; có mặt.

3. Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1997 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: số 2/33 D, phường D, quận L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Gia S và bà Vũ Thị Nhật L; có chồng là Vũ Việt A (chưa đăng ký kết hôn) và có ba con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020 tiền án, tiền sự, nhân thân: Có 01 tiền án đã xóa (Bản án số 144 ngày 06/9/2014 bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng xử phạt Nguyễn Thị Ánh N 06 tháng tù về tội Tàng trữ vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự 1999, phạm tội khi 16 tuổi 01 tháng 09 ngày; bị tạm giữ từ ngày 19/10 /2020; thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2020; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 36/144 T, phường Trần Nguyên H, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; nơi cư trú:** Số 36/144 T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 05/8/2020, Vũ Lệnh C, Đỗ Đức T, Nguyễn Thị Ánh N và Vũ Việt Anh ngồi uống bia tại quán số 206/201 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng thì phát hiện thấy khu vực trước cửa quán có dựng một xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter mang biển số 16R8-8368, chìa khóa xe vẫn cắm ở cốp xe của anh Phạm Văn Q, sinh năm 1981; trú tại: Số 36/144 Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. C quay sang bảo T lấy trộm xe trên nhưng T không đồng ý. Sau đó C tự mình đi đến gần chiếc xe trên, lấy chìa khóa xe đang cắm ở ổ cốp rồi mở khóa điện của xe, điều khiển xe rời khỏi quán bia. T và N thấy C lấy trộm xe, sợ bị liên quan nên đi bộ về phòng trọ của N tại số 18 đường mương Chợ Hàng, Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng. Tại quán bia lúc này chỉ còn một mình Vũ Việt Anh, tuy nhiên sau đó nhân lúc chủ quán bia không đồng ý thì Việt Anh cũng rời khỏi quán. Khoảng 10 phút sau C điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được về để tại phòng trọ và đi bộ ra quán bia để trả tiền bia. Lúc này tại phòng trọ T bảo N: “xe trộm cắp không để ở đây được” thì N nói mang xe sang cầm cố cho Nguyễn Duy Hiếu (sinh năm 1994, trú

tại thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng) là bạn quen biết ngoài xã hội của N và Việt Anh. T chở N sang nhà Hiếu nói là xe của T, không giấy tờ và cầm cố được 2.350.000 đồng. Sau đó T và N bắt taxi về quán game trên đường Thiên Lôi tiêu xài hết số tiền trên. Còn về C, sau khi để xe ở lại phòng trọ và quay lại quán bia thì bị anh Phạm Văn Q giữ lại báo công an đưa lên trụ sở Công an phường làm việc.

Tại cơ quan Công an Vũ Lệnh C, Đỗ Đức T, Nguyễn Thị Ánh N khai nhận hành vi của mình như trên. Vũ Việt Anh khai có thấy C bảo T lấy xe nhưng T không đồng ý, Việt Anh không tham gia vào việc trộm cắp xe của C. Sau khi thấy cả nhóm về, trong lúc mọi người không để ý Việt Anh đã bỏ đi khỏi quán.

Tại cơ quan điều tra - Bị hại là Anh Phạm Văn Q trình bày: Khoảng 19 ngày 05/8/2020 anh đi chiếc xe máy biển số 16R8-8368 của vợ là chị Nguyễn Thị L, đến làm tại quán bia số 206/201 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng, anh để xe máy trước cửa quán và quên chìa khóa cắm ở cốp xe, đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì phát hiện mất xe. Hiện anh Q và chị L đã nhận lại chiếc xe trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Anh Q không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy H khai tại Cơ quan điều tra: Do quen biết với N là vợ của Son (bạn Hiếu) nên khi N và T mang xe máy biển số 16R8-8368 đến nhà Hiếu, N nói với Hiếu “có ông anh muốn cầm cố chiếc xe không có giấy tờ”. Sau khi nghe N nói vậy anh hiểu nhầm là xe của anh T mà quên không mang giấy tờ nên đã đồng ý cầm cố với giá 2.500.000 đồng, sau khi trừ đi 150.000 đồng tiền lãi anh H đưa cho T số tiền là 2.350.000 đồng mà không hỏi T và N về nguồn gốc của xe. Anh H không biết chiếc xe trên là tài sản do trộm cắp mà có, khi biết ngày 08/9/2020 anh H đã mang chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter mang biển số 16R8-8368 trên đến cơ quan Công an giao nộp. Nay anh H không yêu cầu T và N phải bồi thường số tiền 2.350.000 đồng nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá số 84/KL-ĐGTTTHS ngày 09/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Lê Chân kết luận: “Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô hai bánh đã qua sử dụng nhãn hiệu Yamaha Jupiter mang biển số 16R8-8368 nêu trên là 15.000.000 đồng”.

Tại Bản cáo trạng số 185/CT-VKS ngày 23/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Lệnh C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Lệnh C, Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố truy tố bị cáo Vũ Lệnh C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như nội dung Bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Vũ Lệnh C mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo C.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đỗ Đức T mức án từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Ánh N mức án từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mo to nhãn hiệu Yamaha Jupiter mang biển số 16R8-8368 đã được thu hồi trả lại cho bị hại là anh Phạm Văn Q; anh Q không còn yêu cầu bồi thường gì khác, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đối với Nguyễn Duy Hiếu khi cầm cố tài sản là chiếc xe máy biển số 16R8-8368 do T và N mang đến vào ngày 05/8/2020 nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không xử lý, số tiền 2.350000 đồng anh H không yêu cầu T và N phải bồi thường nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí của Tòa án: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát luận tội, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và tại lời nói sau cùng các bị cáo xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm trở về hòa đồng với xã hội và cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; vật chứng thu giữ; phù hợp với Bản kết luận định giá số 84/KL-ĐGTTTHS ngày 09/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Lê Chân, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, lời khai đó thể hiện: Khoảng 19 giờ ngày 05/8/2020, Vũ Lệnh C đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy biển số 16R8-8368 của anh Phạm Văn Q, trị giá 15.000.000 đồng tại khu vực trước cửa nhà số 206/201 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng, sau đó Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N biết rõ là tài sản do C trộm cắp mà có đã mang xe đi cầm cố lấy 2.350.000 đồng và tiêu xài hết số tiền trên.

[3] Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vũ Lệnh C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N đồng phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo theo mức mà Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận bất an trong quần chúng, nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

[5] Về vai trò của các bị cáo Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N trong vụ án: Vụ án có đồng phạm là đồng phạm giản đơn, Trong đó các bị cáo cùng thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

- Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

6.1. Đối với bị cáo Vũ Lệnh C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

6.2. Đối với bị cáo Đỗ Đức T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên nhân thân bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 19/6/2020 bị Công an phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng xử phạt vi phạm hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt hành chính số 14); có 01 tiền án đã xóa. Ngày 16/12/2020 TAND quận Ngô Quyền xét xử Đỗ Đức T 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 159/2020/HS-ST), Song hành vi phạm tội lần này của bị cáo T được thực hiện ngày 05/8/2020 trước khi Bản án số 159/2020/HS-ST ngày 16/12/2020 của TAND quận Ngô Quyền có hiệu lực pháp luật nên lần phạm tội này của bị cáo không bị coi là tái phạm nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, cần buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

6.3 Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ánh N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên nhân thân bị cáo có 01 tiền án đã xóa nên lần phạm tội này của bị cáo không bị coi là tái phạm nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, cần buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ:

7.1. Đối với bị cáo Vũ Lệnh C: Nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; ngoài ra bố đẻ bị cáo là ông Vũ Lệnh Triệu được tặng thưởng nhiều Huân chương C sỹ vẻ vang (Người có công với Cách Mạng). Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần phạm tội này của bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung là có cơ sở, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

7.2. Đối với bị cáo Đỗ Đức T: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo bị cáo thành khẩn khai báo, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi quyết định hình phạt.

7.3. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ánh N: Bị cáo ra đầu thú; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

[9] Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mo to nhãn hiệu Yamaha Jupiter mang biển số 16R8-8368 đã được thu hồi trả lại cho bị hại là anh Phạm Văn Q; anh Q không còn yêu cầu bồi thường gì khác. Như vậy trách nhiệm bồi thường dân sự đã được giải quyết xong, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Duy H khi cầm cố tài sản là chiếc xe máy biển số 16R8-8368 do T và N mang đến vào ngày 05/8/2020 nhưng không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không xử lý, số tiền 2.350000 đồng anh H không yêu cầu T và N phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Đối với Vũ Việt Anh kết quả điều tra không đủ cơ sở chứng minh Việt Anh tham gia vào việc trộm cắp và tiêu thụ tài sản với C, T và N nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không xử lý. Đối với việc Vũ Việt Anh đã biết C trộm cắp tài sản, nhưng không tố giác với Cơ quan Công an. Hành vi của Vũ Việt Anh có dấu hiệu của tội “Không tố giác tội phạm” nhưng do C phạm tội ít nghiêm trọng (khoản 1 Điều 173) nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

[12] Cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bị cáo C đang thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Hình sự.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Lệnh C 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo được trừ các ngày tạm giữ (từ ngày 10/8/2020 đến ngày 18/8/2020), (quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Vũ Lệnh C cho Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo C

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đỗ Đức T 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Ánh N 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 19/10/2020 đến 28 tháng 10 năm 2020.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Thị Ánh N không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo N đi chấp hành án phạt tù.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Vũ Lệnh C, Đỗ Đức T và Nguyễn Thị Ánh N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Lê Chân;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Lê Chân;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- UBND phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Đồng Quốc Bình, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Phong Lan